

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **58/2022/DS-ST**

Ngày: 03/6/2022

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhật

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Loan

2. Bà Bùi Thị Thu Nhi

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nhật Minh - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2021/TLST-DS ngày 23/12/2021 về việc tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐST-DS ngày 12/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu Th**, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Số 4E3 đường Đ, phường B2, thành phố M, Tiền Giang.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Phương B**, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M1, xã Tr, thành phố M, Tiền Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M1, xã Tr, thành phố M, Tiền Giang.

- Ông Ngô Văn T, sinh năm 1972 (xin vắng mặt)

Địa chỉ Số 5/5 đường Đ, khu phố B1, phường T1, thành phố M, Tiền Giang.

- Ông Nguyễn Văn X (tên gọi khác: Nguyễn Văn H), sinh năm 1962 (xỉn vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Số 48/6 đường Đ, phường H, thành phố M, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu Th trình bày:

Ngày 27/8/2016, bà đứng ra bảo lãnh cho ông Nguyễn Phương B tham gia hội của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L với số tiền bảo lãnh 84.000.000 đồng. Do đó, cũng trong ngày 27/8/2016, bà yêu cầu ông B viết giấy mượn bà số tiền 84.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận ông B mỗi tháng trả góp 7.000.000 đồng, thời hạn tính từ ngày 27/8/2016 đến ngày 27/8/2017. Sau đó, ngày 27/9/2016, ông B trả 7.000.000 đồng. Ngày 27/10/2016, ông B trả 7.000.000 đồng. Do ông B không trả nợ nên bà nhờ ông Ngô Văn T đến tìm ông B yêu cầu trả nợ. Lúc này, mẹ vợ ông B là bà Nguyễn Thị Ch đồng ý trả thay ông B 30.000.000 đồng. Ngày 16/6/2018, bà Ch đưa tiền cho ông T và ông T đưa tiền cho bà. Ông T có ký tên xác nhận và bà có ký tên xác nhận xóa nợ 30.000.000 đồng. Số tiền còn nợ 40.000.000 đồng thì đến nay ông B chưa trả cho bà. Nay bà yêu cầu ông B trả 40.000.000 đồng một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là ông Nguyễn Phương B trình bày: Trước đây, ông có mượn tiền góp của bà Th nhiều lần, mỗi lần từ 5 đến 10 triệu đồng. Bà Th tính tiền gốc, lãi thành 84.000.000 đồng. Bà Th viết biên nhận hội bảo lãnh cho ông với ông H, bà L và yêu cầu ông viết biên nhận nợ số tiền 84.000.000 đồng. Ông hoàn toàn không biết ông H, bà L là ai và không có tham hội của ông H, bà L. Sau đó, do ông làm ăn không được nên đóng chậm trễ thì bà Th đến tìm mẹ vợ ông là bà Nguyễn Thị Ch và thương lượng đồng ý nhận 30.000.000 đồng để xóa hết nợ cho ông. Bà Th có viết giấy xóa nợ và hứa không làm phiền gia đình ông. Nay ông không đồng ý trả 40.000.000 đồng cho bà Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Ngô Văn T trình bày: Năm 2018, ông làm nhà thuê cho bà Th. Bà Th nhờ ông chở bà Th xuống nhà tìm ông B để đòi tiền vay. Lúc gặp mặt, bà Ch và bà Th thỏa thuận thế nào thì ông không rõ. Ngày 16/6/2018, bà Th nhờ ông xuống gặp bà Ch nhận tiền, bà Ch yêu cầu bà Th phải ký xác nhận vào biên nhận hội ngày 27/8/2016 nên ông đem biên nhận về cho bà Th ký. Sau khi bà Th ký xong thì ông đem biên nhận hội đưa cho bà Ch và bà Ch yêu cầu ông phải ký xác nhận có nhận 30.000.000 đồng. Ông thừa nhận chữ ký, chữ viết trong biên nhận hội ngày 27/8/2016 là của ông và số tiền này ông đã đưa cho bà Th, còn việc cản trừ nợ giữa các bên thì ông không biết.

- Bà Nguyễn Thị Ch trình bày: Bà là mẹ vợ của ông B. Ngày 16/6/2018, bà Th và ông T đến nhà tìm ông B nhưng không gặp. Sau đó, bà Th đưa bản chính biên nhận hội ngày 27/8/2016 thể hiện ông B nợ chủ hội 84.000.000 đồng và bà Th là người bảo lãnh. Do sợ bị chồng bà phát hiện nên bà đứng ra trả nợ cho ông B, nếu bà Th đồng ý nhận 30.000.000 đồng và xóa nợ cho ông B thì bà đồng ý trả 30.000.000 đồng. Ngày 16/6/2018, bà Th và ông T đến nhà bà nhận tiền, khi nhận tiền bà có yêu cầu bà Th giao bản chính biên nhận hội và yêu cầu bà Th ký xác nhận phía sau biên nhận bằng viết đỏ, còn ông T ký xác nhận bằng viết đen. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Th.

- Ông Nguyễn Văn X (Nguyễn Văn H) trình bày: Ông là chồng bà Nguyễn Thị L. Trước năm 2018, bà Th tham gia hội do vợ chồng ông làm chủ. Khoảng tháng 8/2016, bà Th nói chơi dùm ông B dây hội đã hốt và hàng tháng bà Th vẫn đóng hội đầy đủ cho ông bà cho đến khi mãn hội. Ngày 27/8/2016, ông có viết biên nhận hội xác nhận bà Th là người bảo lãnh cho ông B đóng hội số tiền 84.000.000 đồng. Việc thỏa thuận bảo lãnh tiền hội giữa ông B và bà Th không liên quan đến ông bà nên đề nghị Tòa án không đưa ông bà tham gia vụ án. Ông không liên quan đến số tiền 84.000.000 đồng giữa bà Th và ông B và xin vắng mặt do bận công việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho có ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng pháp luật. Đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ lời khai các đương sự, biên nhận hội ngày 27/8/2016 và biên nhận mượn tiền ngày 27/8/2016 và thừa nhận của bà Th tại phiên tòa thể hiện số tiền của hai biên nhận là 84.000.000 đồng. Bà Th đã nhận 44.000.000 đồng, ông B còn nợ 40.000.000 đồng thì bà Th đã xóa nợ cho ông B theo nội dung thể hiện tại mặt sau giấy biên nhận hội ngày 27/8/2016. Đề nghị căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Thu Th yêu cầu ông Nguyễn Phương B trả số tiền vay còn nợ 40.000.000 đồng. Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Xét ông Nguyễn Văn X, ông Ngô Văn T có đơn xin vắng mặt vì bận công việc là phù hợp quy định khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Từ trước năm 2016, bà Th có cho ông B vay tiền nhiều lần. Đến ngày 27/8/2016 thì ông B viết giấy biên nhận mượn tiền bà Th số tiền 84.000.000 đồng. Sau đó, vào ngày 27/8/2016 và ngày 27/8/2017, ông B trả 14.000.000 đồng. Ngày 16/6/2018, bà Nguyễn Thị Chín là mẹ vợ ông B trả thay ông B số tiền 30.000.000 đồng nên số tiền còn nợ là 40.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông B và bà Ch trình bày là khi bà Ch trả 30.000.000 đồng thì có thỏa thuận với bà Th xóa hết số tiền nợ còn lại cho ông B. Tuy nhiên, bà Th không thừa nhận và cho rằng chỉ xóa nợ số tiền đã trả 30.000.000 đồng.

Theo biên bản hòa giải 15/4/2022, ông T trình bày ngày 16/6/2018, bà Th nhờ ông xuống gặp bà Ch nhận tiền, bà Ch yêu cầu bà Th phải ký xác nhận vào biên nhận hui ngày 27/8/2016 nên ông đem biên nhận về cho bà Th ký. Sau khi bà Th ký xong thì ông đem biên nhận hui đưa cho bà Ch và bà Ch yêu cầu ông phải ký xác nhận có nhận 30.000.000 đồng. Ông thừa nhận chữ ký, chữ viết trong biên nhận hui ngày 27/8/2016 là của ông và số tiền này ông đã đưa cho bà Th, còn việc cản trở nợ giữa các bên thì ông không biết.

Xét tại phiên tòa, bà Th thừa nhận chữ viết và chữ ký ở mặt sau tờ biên nhận hui ngày 27/8/2016 là do bà viết và ký tên vào ngày 16/6/2018 với nội dung: *“Tôi tên Nguyễn Thị Thu Th ngụ tại 4E3 đường Đ, phường B2, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, hôm nay vào ngày 16/6/2018 có nhận của mẹ vợ Nguyễn Phương B số tiền là 30 triệu đồng xóa nợ. Tôi cam kết không tới gia đình Bình”*. Như vậy, căn cứ nội dung xác nhận nêu trên cho thấy bà Th đã đồng ý xóa (hủy bỏ) khoản nợ còn lại cho ông B. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện đòi bị đơn số tiền 40.000.000 đồng là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét biên nhận hui ngày 27/8/2016: Xét ông B khai không có tham gia hui của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L và không biết mặt, không biết địa chỉ của bà L. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự trình bày thống nhất không biết địa chỉ hiện đang cư trú của bà L ở đâu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Th phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu Th v/v yêu cầu ông Nguyễn Phương B trả số tiền còn nợ 40.000.000 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Th phải chịu 2.000.000 đồng. Bà Th đã nộp 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0004557 ngày 23/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho nên phải nộp tiếp số tiền 1.000.000 đồng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND TP. Mỹ Tho
- Chi cục THADS TP. Mỹ Tho
- Các đương sự
- Lưu HSAV

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Nhật

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Nhật

